

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

Số: 1123 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 6 năm 2022

CTY TNHH MTV LN-DI LINH

Số: 268
Ngày: 29/6/22
Chuyển: VP
Số và ký hiệu HS:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Di Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn,
tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ quy định về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu
nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Di Linh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định
số 33/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm
Đồng về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty trách nhiệm hữu
hạn một thành viên lâm nghiệp Di Linh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế
hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Hội
đồng thành viên và Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm
nghiệp Di Linh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm
thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Hiệp



ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Di Linh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1123/QĐ- UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Di Linh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng là cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Di Linh sau đây viết tắt là “cơ quan đại diện chủ sở hữu”;

b) “Ủy ban nhân dân tỉnh” là Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

c) “Công ty” là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Di Linh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập;

d) “Đơn vị trực thuộc” là đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện nằm trong cơ cấu công ty;

đ) “Điều lệ công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Di Linh;

e) “Vốn điều lệ của công ty” là vốn Chủ sở hữu nhà nước đầu tư và ghi tại Điều lệ công ty;

g) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp năm 2020, số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

h) “Nghị định số 91/2015/NĐ-CP” là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

i) “Nghị định số 87/2015/NĐ-CP” là Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh

ngành; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

k) “Nghị định số 159/2020/NĐ-CP” là Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

l) “Nghị định số 10/2019/NĐ-CP” là Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

m) “Nghị định số 19/2014/NĐ-CP” là Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

n) “Nghị định số 47/2021/NĐ-CP” là Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết của một số điều của Luật Doanh nghiệp;

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên công ty, trụ sở chính

1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH**

2. Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

DI LINH FORESTRY LIMITED COMPANY

3. Tên viết tắt: **DIFOCO**

4. Trụ sở chính: Km 93, Quốc lộ 28, thôn K’Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Điện thoại: 0263.3870341 - 0263.3772009. Fax: 0263.3772009.

- Email: ctylamnghiepdilinh@yahoo.com

- Website: www.congtylamnghiepdilinh.com

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của công ty:

a) Về kinh tế:

- Sử dụng có hiệu quả diện tích rừng được giao, diện tích rừng trồng và đất rừng được thuê để kinh doanh rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ theo quy trình khép kín từ khâu gieo ươm, trồng rừng, chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ rừng - phòng cháy chữa cháy rừng cho đến khai thác, chế biến, tiêu thụ gỗ rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ với chi phí thấp nhất, đảm bảo tính liên tục, ổn định, lâu dài.

- Gắn kết giữa vùng nguyên liệu và chế biến, đa dạng nguồn vốn đầu tư, áp dụng công nghệ tiên tiến để tạo ra sản phẩm với giá thành thấp, chất lượng cao có thể cạnh tranh với thị trường trong nước và quốc tế.

- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại công ty và vốn của công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác (nếu có).

b) Về xã hội:

- Tạo nhiều công việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân địa phương sống gần rừng và ven rừng, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Đảm bảo việc làm cho người lao động và lợi ích của công ty theo quy định của pháp luật.

- Kết hợp với địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến lâm, giống cây trồng nông, lâm nghiệp, tập huấn chuyển giao kỹ thuật - canh tác nông, lâm nghiệp tạo ra sản phẩm hàng hoá, góp phần xoá đói giảm nghèo cho cộng đồng dân cư và giữ vững an ninh - trật tự trên địa bàn, giảm thiểu các tác động tiêu cực của người dân đến sự phát triển của rừng.

- Hoàn thành các nhiệm vụ do cơ quan đại diện chủ sở hữu giao, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp và người lao động trong công ty.

c) Về môi trường:

- Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích và tài nguyên rừng được nhà nước giao.

- Phát huy tối đa chức năng của rừng như: phòng hộ chống xói mòn, điều hoà khí hậu, bảo vệ nguồn nước, tăng trưởng sinh khối, bảo tồn nguồn gen, đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, dự trữ carbon, du lịch sinh thái...

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.

2. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<i>Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp</i>	0240 (Chính)
2	Trồng cây cao su	0125
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
5	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
6	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
7	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
8	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Tư vấn thiết kế, thi công xây dựng các công trình nông, lâm nghiệp.</i>	7110
11	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>(Bán buôn động vật sống thuộc danh mục nhà nước cho phép)</i>	4620
12	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
16	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
17	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
18	Chăn nuôi khác	0149

STT	Tên ngành	Mã ngành
19	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
20	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trong danh mục Nhà nước cho phép)	4662
22	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
23	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng <i>Chi tiết: Sản xuất dụng cụ y tế từ gỗ (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện và gia công cơ khí tại trụ sở)</i>	3250
24	Đại lý du lịch <i>Chi tiết: Dịch vụ du lịch sinh thái.</i>	7911
25	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
26	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
27	Khai thác gỗ	0220
28	Trồng cây lâu năm khác	0129
29	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
30	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
31	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132

Điều 5. Mức vốn điều lệ

Vốn điều lệ của công ty là 190.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tỷ đồng).

Điều 6. Chủ sở hữu nhà nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng là cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Di Linh. Địa chỉ: số 04 Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

2. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của công ty

Căn cứ quyền của doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh; các quy định của pháp luật hiện hành về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty quy định chi tiết các quyền của công ty; trong đó:

1. Quyền của công ty đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ, các văn bản sửa đổi, bổ sung và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều 7 Luật Doanh nghiệp; phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 của Điều lệ này.

3. Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định của pháp luật.

4. Quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện vật chất và các lợi ích tài chính khác khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của công ty

Căn cứ nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh; các quy định của pháp luật hiện hành về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty quy định chi tiết các nghĩa vụ của công ty; trong đó:

1. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký;

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

c) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;

d) Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

đ) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật;

e) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

g) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

i) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm con người của công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

k) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác;

l) Chịu sự giám sát, kiểm tra của cơ quan đại diện chủ sở hữu; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

m) Chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác;

n) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

3. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu

Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với công ty; cụ thể:

1. Quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu về thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại Điều 7 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu về tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản, chuyển giao doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại Điều 8 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu về điều lệ, chiến lược, kế hoạch của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại Điều 9 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu về quản lý cán bộ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại Điều 10 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Tổ chức thực hiện quyền và trách nhiệm về hoạt động tài chính và đầu tư của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Tổ chức thực hiện quyền và trách nhiệm về giám sát, kiểm tra và đánh giá hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại Điều 12 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên quy định tại Điều 13 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

8. Thực hiện các quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ, các pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 13. Nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước

Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với công ty; cụ thể:

1. Góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
2. Tuân thủ Điều lệ công ty.
3. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ công ty.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 14. Mô hình tổ chức, quản lý công ty

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Di Linh tổ chức quản lý theo mô hình quy định tại Điều 90 Luật Doanh nghiệp, gồm: Hội đồng thành viên, Giám đốc, Ban kiểm soát.

Mục 1

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 15. Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên nhân danh công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng thành viên bao gồm Chủ tịch và các thành viên khác, số lượng không quá 05 người. Thành viên Hội đồng thành viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại. Một cá nhân được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên không quá 02 nhiệm kỳ tại một công ty, trừ trường hợp đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại công ty đó trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên nhân danh công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu, cổ đông, thành viên đối với công ty do công ty làm chủ sở hữu hoặc sở hữu cổ phần, phần vốn góp.

2. Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các nội dung theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc;

c) Quyết định kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm, chủ trương phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty;

d) Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của công ty;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng thành viên

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của doanh nghiệp.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.

4. Không phải là người quản lý doanh nghiệp thành viên.

5. Trừ Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc công ty hoặc công ty khác không phải là doanh nghiệp thành viên theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

6. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 18. Miễn nhiệm, cách chức thành viên Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 93 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản;

- c) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu;
- d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao;
- đ) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng thành viên.

2. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên bị cách chức trong trường hợp sau đây:

- a) Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân nhưng không được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;
- b) Bị Tòa án kết án và bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất, kinh doanh của công ty.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm hoặc cách chức Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 19. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng thành viên không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty và doanh nghiệp khác.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng quý và hằng năm của Hội đồng thành viên;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên;
- c) Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên;
- d) Tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và nghị quyết Hội đồng thành viên;
- đ) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của công ty, kết quả quản lý, điều hành của Giám đốc công ty;
- e) Tổ chức công bố, công khai thông tin về công ty theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực và tính hệ thống của thông tin được công bố.

3. Ngoài trường hợp quy định tại Điều 94 của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể bị miễn nhiệm, cách chức nếu không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên

1. Tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

2. Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép, trích lục sổ ghi chép và theo dõi hợp đồng, giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Trách nhiệm của Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên

1. Tuân thủ Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của công ty và Nhà nước.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và Nhà nước; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Chấp hành nghị quyết Hội đồng thành viên.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

a) Lợi dụng danh nghĩa công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

7. Trường hợp thành viên Hội đồng thành viên phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên khác có hành vi vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với cơ quan đại diện chủ sở hữu; yêu cầu thành viên vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 22. Chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc quyền, nghĩa vụ của mình. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ công ty. Hội đồng thành viên có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên. Các thành viên Hội đồng thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên và người được mời dự họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến việc kiến nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua phương hướng phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp.

3. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên và người được mời dự họp. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Hình thức họp trực tuyến có thể được áp dụng khi cần thiết.

4. Cuộc họp Hội đồng thành viên hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự. Nghị quyết Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa tổng số thành viên tham dự biểu quyết tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì nội dung có phiếu tán thành của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền chủ trì cuộc họp là nội dung được thông qua. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình và kiến nghị lên cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.

5. Trường hợp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản thì nghị quyết Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa tổng số thành viên Hội đồng thành viên tán thành. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng thành viên.

6. Căn cứ vào nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng thành viên mời đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự và thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình cuộc họp. Đại

diện cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Các ý kiến phát biểu của đại diện được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.

7. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các Nghị quyết được Hội đồng thành viên thông qua và kết luận của các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng thành viên. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian, địa điểm, mục đích, chương trình họp; danh sách thành viên dự họp; vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên, đại diện được mời dự họp về từng vấn đề thảo luận;

b) Số phiếu biểu quyết tán thành và không tán thành đối với trường hợp không áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng; số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với trường hợp áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng;

c) Các quyết định được thông qua;

d) Họ, tên, chữ ký của thành viên dự họp.

8. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý công ty, công ty con do công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn góp của công ty tại doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của doanh nghiệp theo quy chế thông tin do Hội đồng thành viên quy định hoặc theo nghị quyết Hội đồng thành viên. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên, trừ trường hợp Hội đồng thành viên có quyết định khác.

9. Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc của công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

10. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên, tiền lương, phụ cấp và thù lao được tính vào chi phí quản lý công ty.

11. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên tổ chức việc lấy ý kiến chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài trước khi quyết định vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại quy chế quản lý tài chính của công ty.

12. Nghị quyết Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong nghị quyết, trừ trường hợp phải được cơ quan đại diện Chủ sở hữu chấp thuận.

Mục 2**GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY****Điều 23. Giám đốc công ty**

1. Giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm hoặc thuê theo phương án nhân sự đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

2. Giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hằng ngày của công ty và có quyền, nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của công ty;

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty;

c) Quyết định các công việc hằng ngày của công ty;

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty đã được Hội đồng thành viên chấp thuận;

đ) Bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người quản lý công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

e) Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;

g) Lập và trình Hội đồng thành viên báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính;

h) Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

i) Tuyển dụng lao động;

k) Kiến nghị phương án tổ chức lại công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24. Tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc công ty

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Phó giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.

4. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

5. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 25. Miễn nhiệm, cách chức đối với Giám đốc công ty

1. Giám đốc bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 101 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn xin nghỉ việc.

2. Giám đốc bị xem xét cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp không bảo toàn được vốn theo quy định của pháp luật;

b) Doanh nghiệp không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm;

c) Doanh nghiệp vi phạm pháp luật;

d) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của doanh nghiệp;

đ) Vi phạm một trong số các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý quy định tại Điều 97 và Điều 100 của Luật Doanh nghiệp;

e) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức, Hội đồng thành viên xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 26. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty và bộ máy giúp việc

1. Phó giám đốc công ty

a) Hội đồng thành viên quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc trên cơ sở đề nghị của Giám đốc công ty;

b) Số lượng Phó giám đốc không quá 01 người. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định cơ cấu, số lượng Phó giám đốc theo quy mô và đặc điểm kinh doanh của công ty trong quá trình hoạt động. Trường hợp đặc biệt cần nhiều hơn 01 Phó giám đốc, Hội đồng thành viên báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định;

c) Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

2. Kế toán trưởng công ty:

a) Hội đồng thành viên quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc công ty;

b) Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Kế toán trưởng theo phân công, ủy quyền của Giám đốc, phù hợp với các quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó giám đốc, Kế toán trưởng không quá 05 năm. Phó giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

4. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Phó giám đốc và Kế toán trưởng công ty:

a) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty; Kế toán trưởng công ty phải có tiêu chuẩn phù hợp với các quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc và Kiểm soát viên công ty;

c) Không đồng thời là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

d) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của doanh nghiệp nhà nước khác.

5. Phó giám đốc và Kế toán trưởng công ty bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Có đơn xin nghỉ việc.

6. Phó giám đốc và Kế toán trưởng công ty bị cách chức trong những trường hợp sau đây:

a) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của người quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

7. Bộ máy giúp việc

a) Bộ máy giúp việc gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho người quản lý công ty quản lý, điều hành công ty; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được cơ quan đại diện chủ sở hữu giao.

b) Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.

Điều 27. Đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị sự nghiệp của công ty hoạt động theo chế độ Nhà nước quy định và quy chế do Hội đồng thành viên phê duyệt; được công ty đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cấp kinh phí sự nghiệp nằm trong chi phí chung của công ty và được tổ chức thực hiện chế độ lấy thu bù chi; thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các nhiệm vụ do công ty giao, thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo, chuyển giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài công ty; được hưởng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo chế độ.

2. Đơn vị hạch toán phụ thuộc là đơn vị không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán phụ thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại công ty và thuộc sở hữu của công ty. Đơn vị hạch toán phụ thuộc công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của công ty quy định trong Điều lệ hoặc quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

3. Văn phòng đại diện, chi nhánh và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo quy chế do Hội đồng thành viên phê duyệt và Giám đốc ký ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng thành viên quyết định hoặc phê duyệt việc thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Hội đồng thành viên có thể thành lập Ban Kiểm soát nội bộ để giúp Hội đồng thành viên kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành trong công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan của Ban kiểm soát nội bộ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ do Hội đồng thành viên ban hành.

Điều 28. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho công ty thì Giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, nhưng vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

2. Giám đốc công ty lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của công ty cho Hội đồng thành viên; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn

để quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của công ty theo yêu cầu của Hội đồng thành viên.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Hội đồng thành viên hoặc trình cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

4. Trường hợp Giám đốc không là thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc được mời tham gia cuộc họp của Hội đồng thành viên và được quyền phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 29. Hợp đồng, giao dịch của công ty với những người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với những người sau đây phải được Hội đồng thành viên, Giám đốc và Kiểm soát viên chấp thuận:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty và người có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty;

b) Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên;

c) Người có liên quan của những người quy định tại điểm b khoản này;

d) Người quản lý của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý đó;

đ) Người có liên quan của những người quy định tại điểm d Khoản này.

2. Người ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng thành viên, Giám đốc và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

3. Hội đồng thành viên, Giám đốc và Kiểm soát viên công ty phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

4. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;

b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, gây thiệt hại cho công ty. Người ký hợp đồng và người có liên quan là các bên của hợp đồng, giao dịch liên đới chịu trách nhiệm về thiệt

hại phát sinh và hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Hợp đồng, giao dịch của công ty và những người có liên quan phải được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan của pháp luật.

Mục 3

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 30. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể người lao động công ty.
2. Tổ chức công đoàn công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Nội dung tham gia quản lý công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

- a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;
- b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi công ty;

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động;

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm, công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Hội đồng thành viên đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng thành viên thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong công ty cũng như mối quan hệ giữa công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

Chương V

BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 32. Mô hình hoạt động Ban kiểm soát và tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập Ban kiểm soát. Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng ban kiểm soát; Kiểm soát viên phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại công ty.

2. Một cá nhân có thể đồng thời được bổ nhiệm làm Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của không quá 04 doanh nghiệp nhà nước.

3. Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc;

b) Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty; thành viên Hội đồng thành viên của công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

Điều 33. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát, kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có nghĩa vụ sau đây:

- a) Xây dựng kế hoạch công tác hằng năm, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, ban hành trong quý I; thực hiện theo Kế hoạch công tác năm được phê duyệt.
- b) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;
- c) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty;
- d) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty;
- đ) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của công ty;
- e) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;
- g) Giám sát hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan;
- h) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công; hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu; giao dịch kinh doanh bất thường của công ty.
- i) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên;
- k) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các pháp luật hiện hành khác.

2. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác và các chi phí hoạt động khác của Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định, tối thiểu bằng thành viên Hội đồng thành viên hoặc Phó giám đốc tại doanh nghiệp; được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của doanh nghiệp.

Điều 34. Quyền của Ban kiểm soát

1. Tham gia các cuộc họp Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Hội đồng thành viên; chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên

và Giám đốc công ty về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành công ty.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của công ty.

4. Yêu cầu người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

6. Thực hiện các quyền khác quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các pháp luật hiện hành khác.

Điều 35. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát:

1. Thực hiện theo kế hoạch công tác năm được phê duyệt. Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của doanh nghiệp, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc theo kế hoạch; đề xuất, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

3. Hàng tháng rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình cơ quan đại diện chủ sở hữu; xây dựng kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát.

4. Mọi quan hệ giữa Ban kiểm soát, kiểm soát viên với cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty và người quản lý doanh nghiệp thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty ban hành.

Điều 36. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

5. Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, đồng thời yêu cầu Kiểm soát viên chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp phát hiện vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao.

6. Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

a) Phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

b) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ công ty.

7. Trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp và các pháp luật hiện hành khác.

Điều 37. Miễn nhiệm, cách chức Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 103 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;

c) Được cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;

d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát bị cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Chương VI

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 38. Quản lý tài chính của công ty

Quản lý tài chính của công ty thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; các Nghị định: số 91/2015/NĐ-CP, số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Quy chế tài chính do cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VII

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 39. Tổ chức lại công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 40. Chuyển đổi sở hữu công ty

Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định việc chuyển đổi sở hữu công ty theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 41. Tạm ngừng kinh doanh

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của công ty bằng văn bản theo đề nghị của Hội đồng thành viên.

2. Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty phù hợp theo Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 42. Giải thể, phá sản công ty

1. Việc giải thể công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản và pháp luật có liên quan.

Chương VIII**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN****Điều 43. Trách nhiệm báo cáo và thông tin**

1. Giám đốc công ty có trách nhiệm gửi Hội đồng thành viên những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Giám đốc công ty, các cán bộ quản lý của công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của công ty.

Điều 44. Báo cáo và thông tin cho cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Hội đồng thành viên lập và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty những tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của công ty;
- b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên; của từng thành viên Hội đồng thành viên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm (nếu có);
- c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- d) Theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Ban Kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan về chế độ báo cáo, thông tin của Ban kiểm soát đối với doanh nghiệp nhà nước, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.

Điều 45. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây:

- a) Thông tin cơ bản về công ty và Điều lệ công ty;
- b) Mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm;

c) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có);

d) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải trước ngày 31 tháng 7 hằng năm; bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có);

đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm;

e) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;

g) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức công ty.

2. Báo cáo thực trạng quản trị công ty bao gồm các thông tin sau đây:

a) Thông tin về cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Thông tin về người quản lý công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao; mức và cách thức chi trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác; người có liên quan và lợi ích có liên quan của người quản lý công ty;

c) Quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu; các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

d) Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ;

đ) Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và báo cáo của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;

e) Thông tin về người có liên quan của công ty, hợp đồng, giao dịch của công ty với người có liên quan;

g) Thông tin khác theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Thông tin được công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

5. Công bố thông tin định kỳ thực hiện theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 47/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 46. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty;

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty;

d) Thay đổi thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên;

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý doanh nghiệp;

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp;

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

2. Công bố thông tin bất thường thực hiện theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương IX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 47. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty. Hội đồng thành viên có quyền kiến nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 48. Quản lý con dấu của Công ty

1. Hội đồng thành viên quyết định thông qua con dấu chính thức của công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty phê duyệt.

2. Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Di Linh ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Điều 51. Phạm vi thi hành

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ công ty. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Điều lệ này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường, cá nhân có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Các Quy chế nội bộ của công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ công ty.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của công ty./.

